

# **Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100110006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 1 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Tổng Công ty là:

- ▶ Kinh doanh lĩnh vực nội dung số, thương mại điện tử, dịch vụ truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, tư vấn đầu tư trong lĩnh vực phát thanh truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp, kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông, và công nghệ thông tin, các dịch vụ truyền dẫn, dịch vụ truyền hình trên mạng viễn thông và kinh doanh thẻ điện thoại;
- ▶ Đại lý, môi giới, đấu giá dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông và internet, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ▶ Bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông, lập trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- ▶ Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo, phim ảnh và phát hành phim ảnh; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Số 67B phố Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 2 chi nhánh tại Số 65, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Vũ Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Khả Dân	Thành viên	
Ông Đàm Mỹ Nghiệp	Thành viên	
Bà Lê Việt Thương Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Vũ Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2018

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đàm Mỹ Nghiệp	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Kinh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Thế Lương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phùng Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đàm Mỹ Nghiệp, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.



# Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đàm Mỹ Nghiệp  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>898.636.770.971</b>	<b>1.014.610.040.283</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>106.534.009.555</b>	<b>193.901.108.566</b>
111	1. Tiền		82.534.009.555	122.306.108.566
112	2. Các khoản tương đương tiền		24.000.000.000	71.595.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>58.050.000.000</b>	<b>75.050.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		58.050.000.000	75.050.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>697.772.797.922</b>	<b>694.645.395.358</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	199.927.066.584	180.433.458.154
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	13.611.086.933	20.653.454.509
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	517.502.915.162	526.961.767.620
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(33.456.643.739)	(33.591.657.907)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		188.372.982	188.372.982
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>30.680.166.841</b>	<b>38.606.994.825</b>
141	1. Hàng tồn kho		31.429.737.475	39.354.934.944
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.570.634)	(747.940.119)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.599.796.653</b>	<b>12.406.541.534</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.650.553.794	3.707.329.887
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.949.242.859	765.566.192
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	7.933.645.455



Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –  
 Công ty TNHH Một thành viên

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>349.703.489.642</b>	<b>393.488.431.236</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>80.460.890.857</b>	<b>80.510.890.857</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	80.460.890.857	80.510.890.857
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>174.162.117.137</b>	<b>176.686.489.787</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	171.933.039.737	172.649.917.518
222	Nguyên giá		529.645.964.642	480.071.396.064
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(357.712.924.905)	(307.421.478.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.229.077.400	4.036.572.269
228	Nguyên giá		14.262.865.972	13.307.373.972
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.033.788.572)	(9.270.801.703)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>976.463.605</b>	<b>39.661.636.481</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	976.463.605	39.661.636.481
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>92.419.031.973</b>	<b>92.419.031.973</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	91.998.990.118	91.998.990.118
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.2	13.547.885.619	13.547.885.619
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	3.545.418.006	3.545.418.006
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16.673.261.770)	(16.673.261.770)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.684.986.070</b>	<b>4.210.382.138</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.684.986.070	4.210.382.138
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.248.340.260.613</b>	<b>1.408.098.471.519</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>814.430.863.233</b>	<b>990.714.743.559</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>795.875.589.833</b>	<b>961.016.015.603</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	204.817.424.302	201.137.846.850
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	108.481.448.778	134.340.090.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.580.494.152	9.530.356.086
314	4. Phải trả người lao động		35.861.156.361	93.020.950.211
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	38.352.076.218	2.268.960.265
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	113.282.197.794	96.332.896.285
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	61.805.795.749	125.605.661.530
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	149.429.471.817	223.175.093.965
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.079.806.163	229.277.279
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	74.185.718.499	75.374.882.192
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>18.555.273.400</b>	<b>29.698.727.956</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	-	5.217.454.556
337	2. Phải trả dài hạn khác		789.321.000	789.321.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.765.952.400	23.691.952.400
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>433.909.397.380</b>	<b>417.383.727.960</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>433.909.397.380</b>	<b>417.383.727.960</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		222.795.973.935	222.795.973.935
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		211.113.423.445	194.587.754.025
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.248.340.260.613</b>	<b>1.408.098.471.519</b>

*Hoàng Bích Huệ*

Người lập  
Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng  
Hoàng Lê Sơn

Tổng Giám đốc  
Đàm Mỹ Nghiệp



Ngày 29 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.011.830.944.138	4.359.294.482.078
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(121.954.458)	(8.840.230.454)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.011.708.989.680	4.350.454.251.624
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.788.774.874.227)	(3.973.111.780.297)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		222.934.115.453	377.342.471.327
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.491.441.421	26.096.676.969
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(9.997.535.944) (8.879.486.888)	(20.414.979.643) (13.197.818.682)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(86.276.104.962)	(89.475.992.741)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(98.563.140.449)	(145.231.095.840)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.588.775.519	148.317.080.072
31	11. Thu nhập khác	26	48.940.415.210	10.789.884.615
32	12. Chi phí khác	26	(1.873.571.719)	(933.465.331)
40	13. Lợi nhuận khác		47.066.843.491	9.856.419.284
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		81.655.619.010	158.173.499.356
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(26.570.054.273)	(2.535.302.843)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		55.085.564.737	155.638.196.513



Người lập  
Hoàng Bích Huệ



Kế toán trưởng  
Hoàng Lê Sơn



Tổng Giám đốc  
Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>81.655.619.010</b>	<b>158.173.499.356</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	55.352.903.918 (135.014.168)	80.465.840.253 1.621.530.086
03	Hoàn nhập dự phòng			
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		545.353.015 (38.639.588.763)	(65.667.050) (25.708.478.821)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	24	8.879.486.888	13.197.818.682
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>107.658.759.900</b>	<b>227.684.542.506</b>
09	Giảm các khoản phải thu		6.874.297.152	69.795.177.814
10	Giảm hàng tồn kho		8.777.356.868	49.583.586.528
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(88.674.511.072)	(219.617.763.239)
12	Giảm chi phí trả trước		3.582.172.161	29.137.589.660
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.879.486.888)	(13.197.818.682)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.699.311.608)	(10.177.833.236)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.751.009.563)	(8.330.291.793)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>888.266.950</b>	<b>124.877.189.558</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.143.358.392)	(35.485.570.594)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		136.163.637	81.120.139
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(124.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		17.000.000.000	129.500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.436.708.365	17.496.518.332
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>37.429.513.610</b>	<b>(12.907.932.123)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.331.624.089.675	2.758.119.311.048
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.411.295.711.823)	(2.798.287.057.654)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.175.973.888)	(24.985.926.300)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(125.847.596.036)</b>	<b>(65.153.672.906)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(87.529.815.476)</b>	<b>46.815.584.529</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>193.901.108.566</b>	<b>147.068.168.481</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		162.716.465	17.355.556
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>106.534.009.555</b>	<b>193.901.108.566</b>

Người lập  
 Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng  
 Hoàng Lê Sơn



Tổng Giám đốc  
 Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 29 tháng 3 năm 2019